CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Long Hậu

Ngày 31/03/2025	34,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.4%	**-5.2%**	**-5.5%**

DT thuần
Q1/25
234
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 139| 147%
YoY: ▲ 158| 207%

LN thuần
Q1/25
136
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 113| 480%
YoY: ▲ 96.5| 245%

LN sau thuế
Q1/25
110
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 65.2| 146%
YoY: ▲ 78.5| 249%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
60.1%
YoY: +/-▼ 4.5%

ROE (TTM)
Q1/25
15.4%
YoY: +/-▲ 4.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	29,710 - 42,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,730
Số lượng CPLH (CP)	50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)	86,030
Sở hữu nước ngoài	12.5%
Beta	
EPS	5,248
P/E	6.6

DT thuần
2024
423
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.0| 7.2%

LN thuần
2024
192
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.0| -7.4%

LN sau thuế
2024
187
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.0| 12.8%

Cơ cấu sở hữu

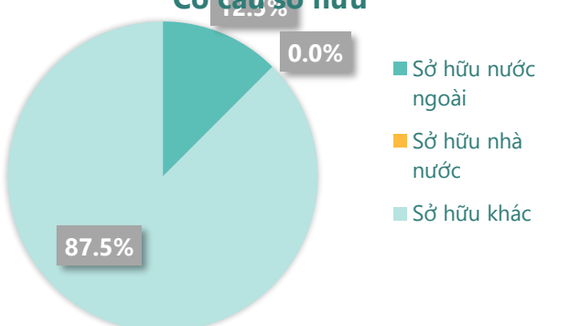

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

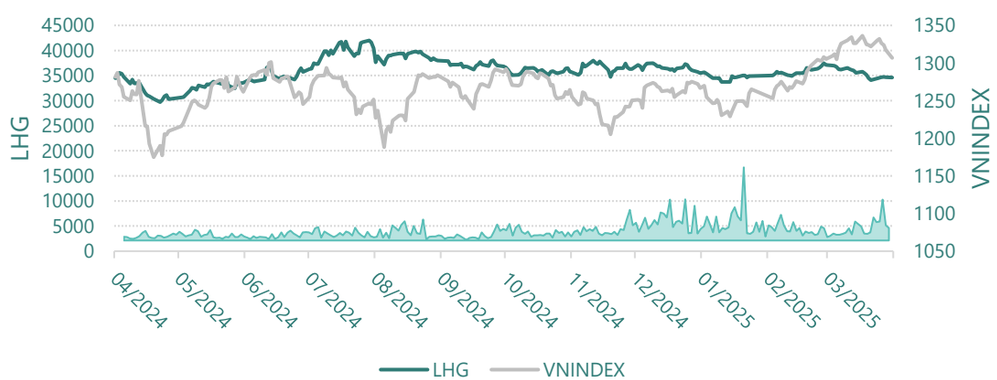

Cơ cấu cổ đông

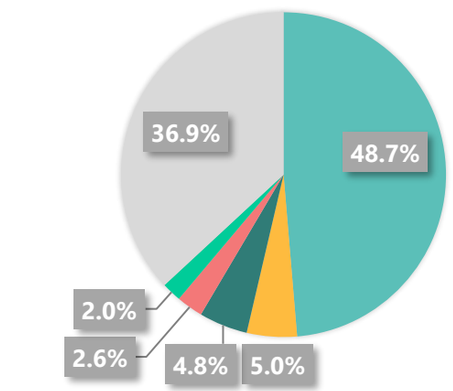

- Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận
- Kingsmead Vietnam and Indochina Growth Master Fund
- Lumen Vietnam Fund
- KITMC Worldwide Vietnam RSP Balanced Fund
- CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

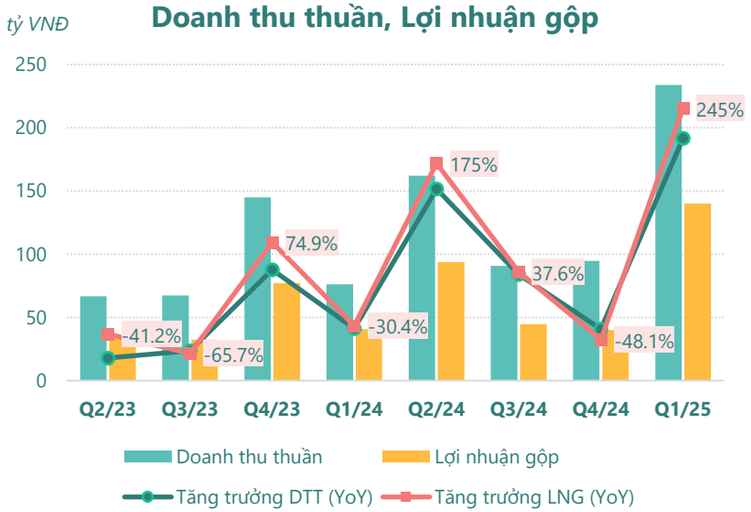

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

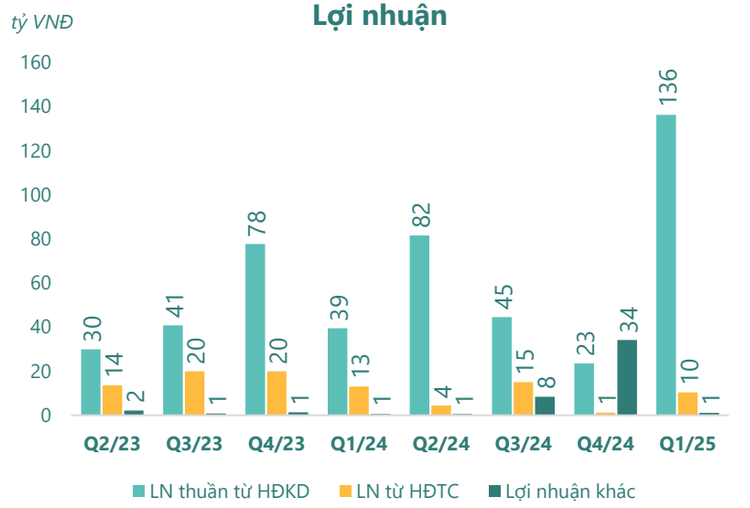

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

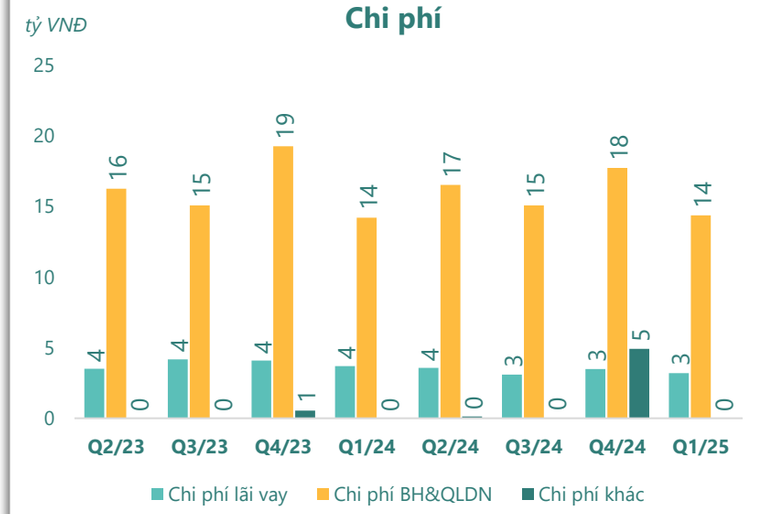

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

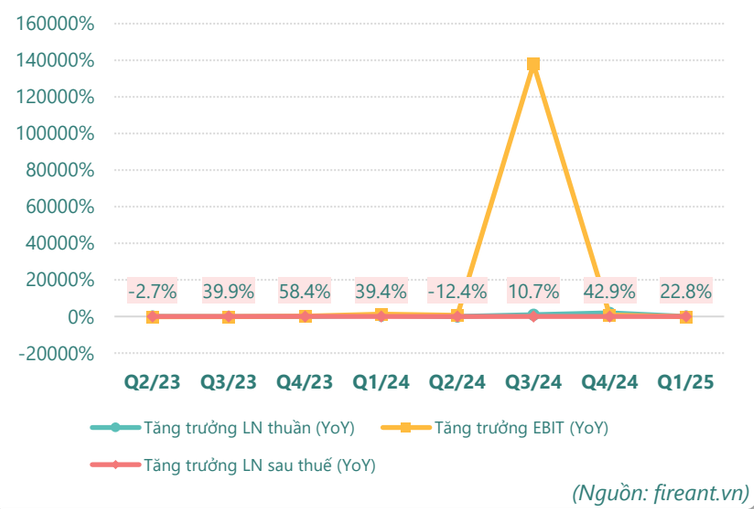

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

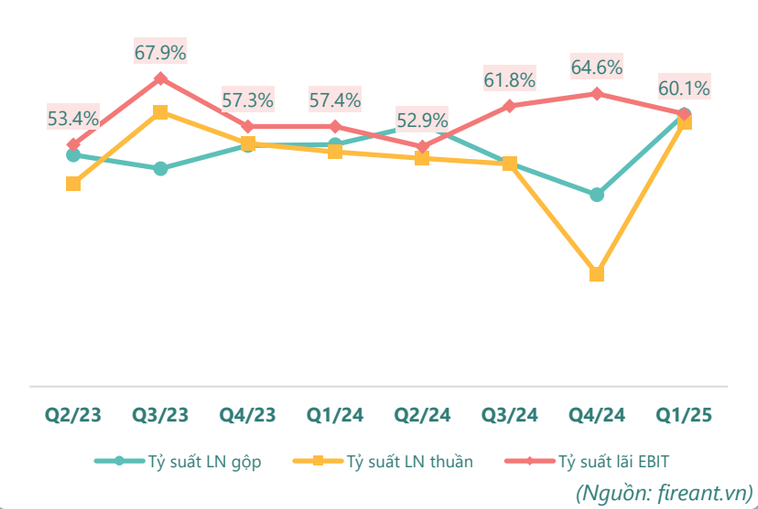

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

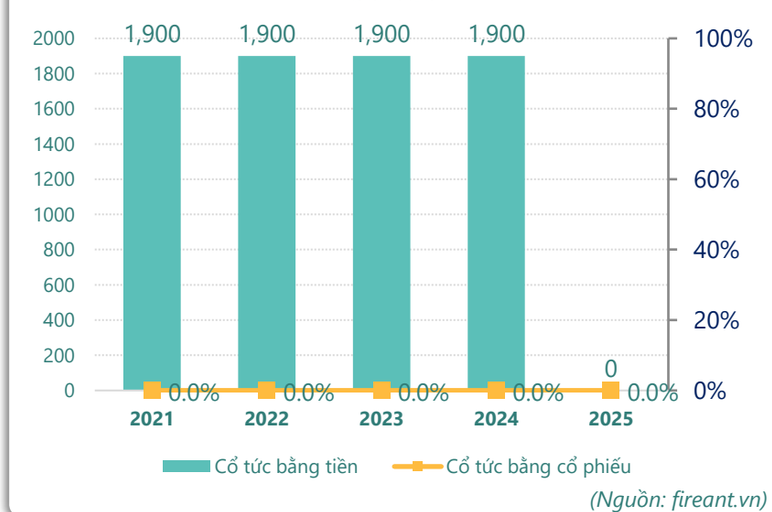

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

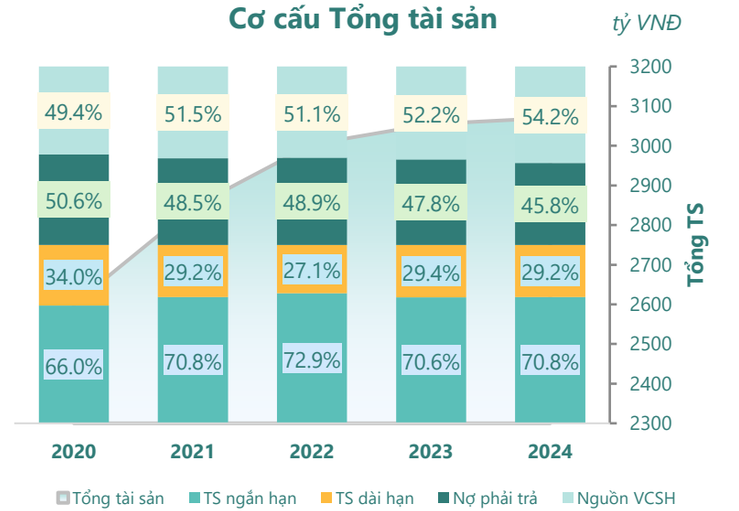

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

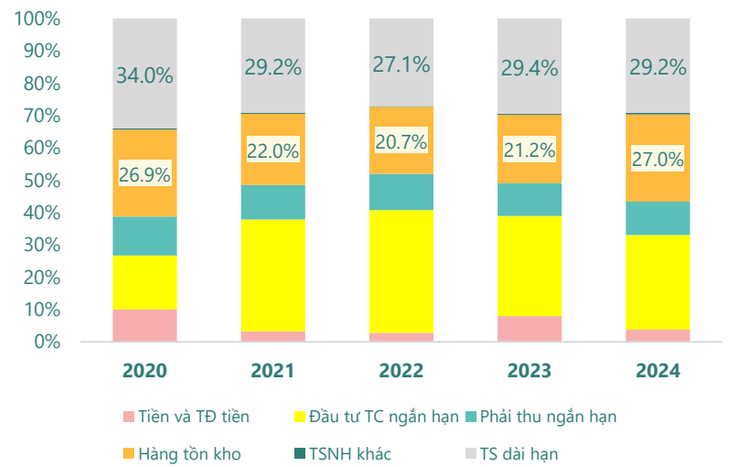

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

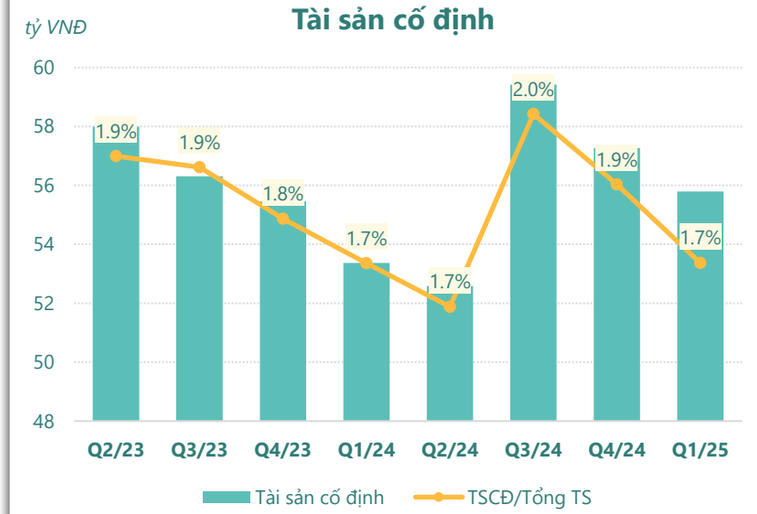

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

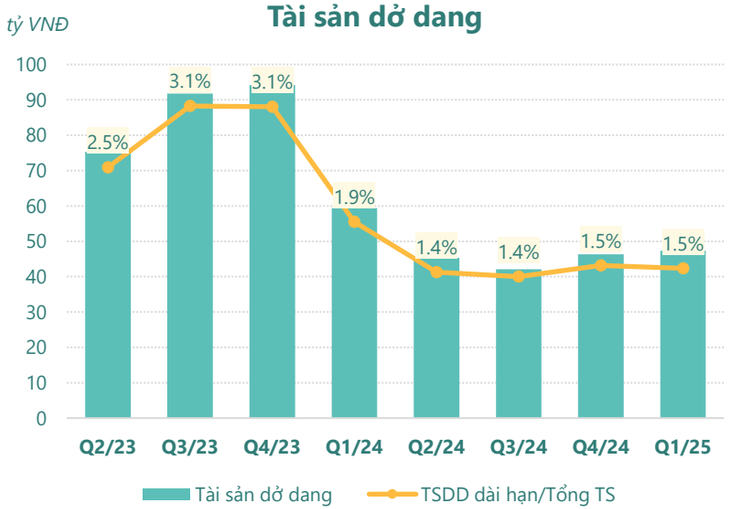

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

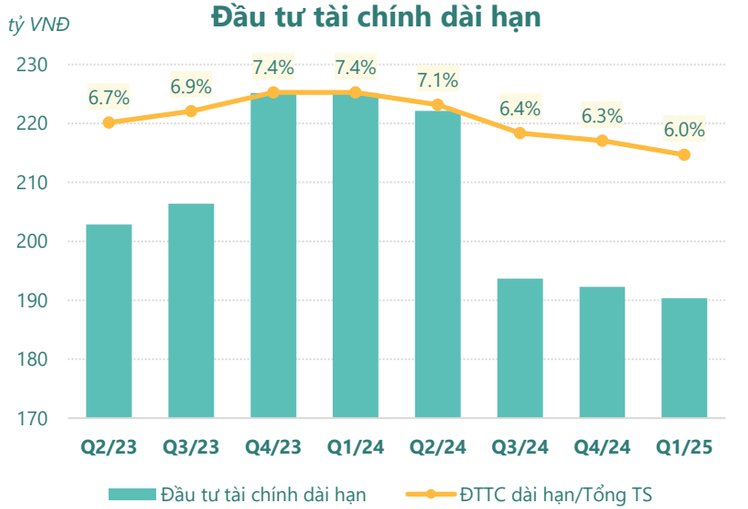

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

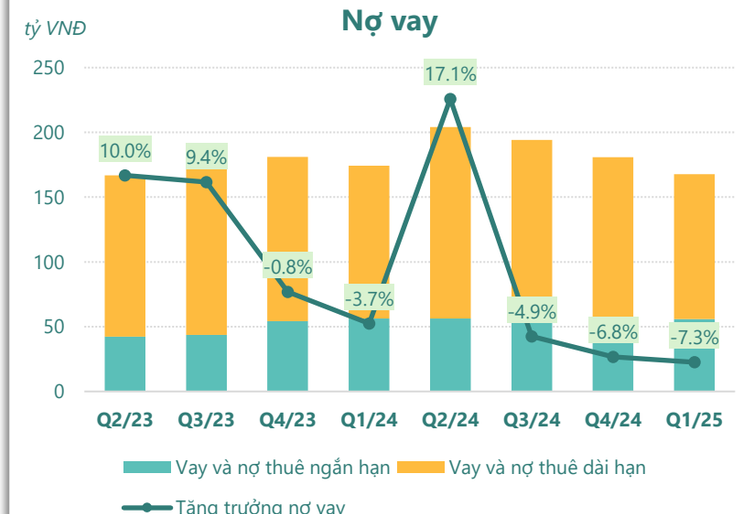

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

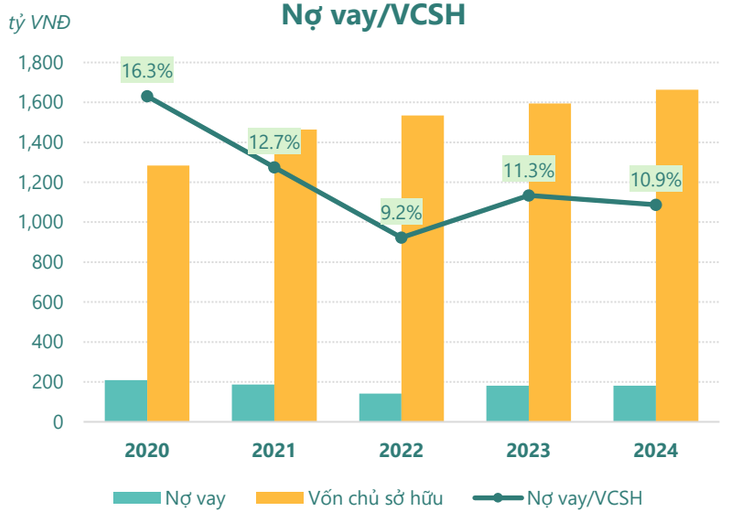

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

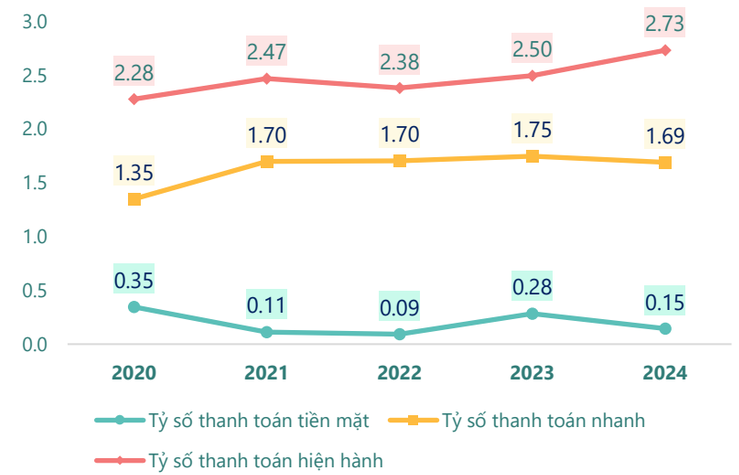

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

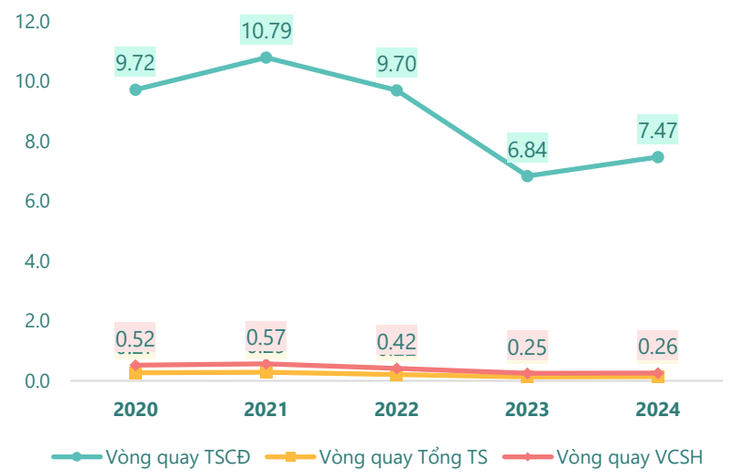

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

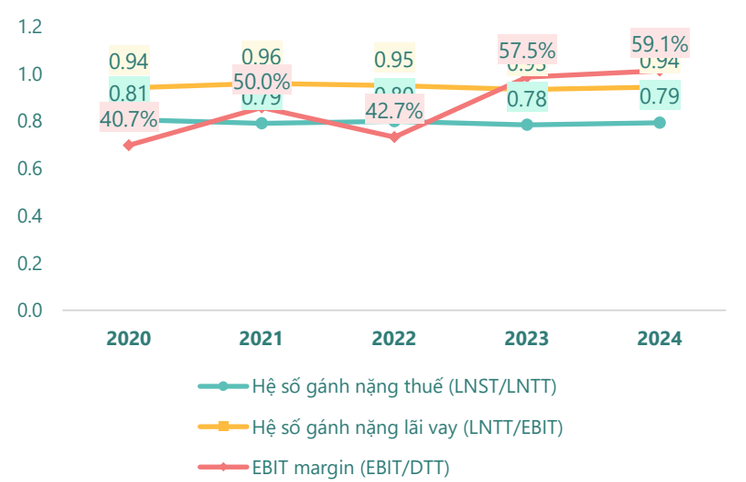

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

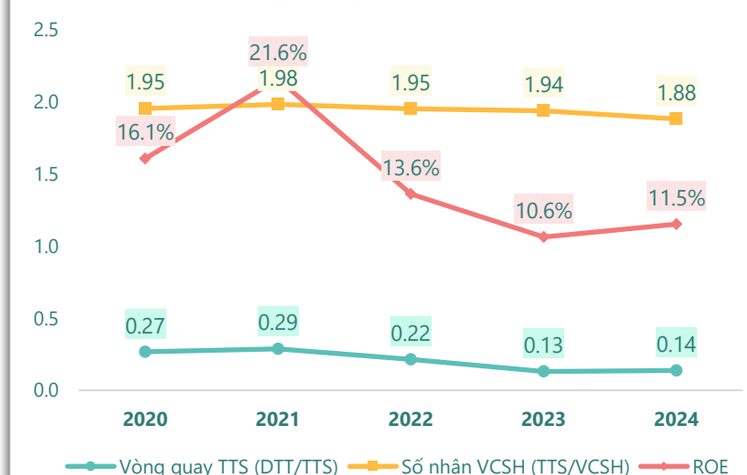

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

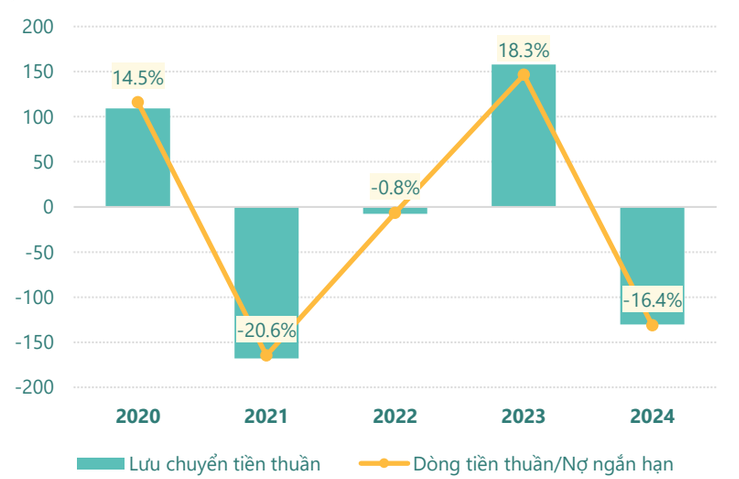

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**234**	**76.2**	**207%**	**423**	**395**	**7.2%**
Giá vốn hàng bán	93.6	35.6	163%	201	194	3.8%
Lợi nhuận gộp	140	40.6	245%	222	201	10.6%
Doanh thu HĐTC	15.6	16.7	-6.7%	57.6	85.4	-32.6%
Chi phí TC	5.14	3.70	39.0%	23.9	15.1	58.1%
Chi phí lãi vay	3.20	3.70	-13.4%	13.8	15.1	-8.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.60	0.95	67.9%	5.44	5.71	-4.7%
Chi phí QLDN	**12.8**	**13.3**	**-3.9%**	**58.2**	**57.9**	**0.5%**
LN thuần từ HĐKD	136	39.5	245%	192	208	-7.4%
Lợi nhuận khác	**1.08**	**0.58**	**87.0%**	**44.2**	**4.43**	**897%**
LN trước thuế	137	40.0	243%	236	212	11.5%
Lợi nhuận sau thuế	**110**	**31.5**	**249%**	**187**	**166**	**12.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**110**	**31.5**	**249%**	**187**	**166**	**12.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	70.1	-41.0	63.6	33.9	116	109
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	86.8	-107	62.8	-108	-56.2	-88.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.62	-6.71	29.8	-104	-13.4	-13.2
Tiền đầu kỳ	87.7	244	89.3	247	69.6	116
Lưu chuyển tiền thuần	**155**	**-155**	**156**	**-178**	**46.0**	**6.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.10	0	1.83	0	0.13	0
Tiền cuối kỳ	244	89.3	247	69.6	116	122

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,195**	**3,070**	**4.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,316	2,172	6.6%
Tiền và tương đương tiền	122	116	5.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	970	900	7.8%
Phải thu ngắn hạn	402	316	27.2%
Hàng tồn kho	807	828	-2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	14.4	13.5	6.5%
Tài sản dài hạn	**880**	**898**	**-2.0%**
Phải thu dài hạn	3.81	3.81	0.0%
Tài sản cố định	55.8	57.9	-3.7%
Bất động sản đầu tư	536	551	-2.6%
Tài sản dở dang	47.3	46.3	2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	192	-1.0%
Tài sản dài hạn khác	**45.9**	**46.6**	**-1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,422	1,407	1.1%
Nợ ngắn hạn	**807**	**795**	**1.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.8	54.9	1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.5	31.2	-18.2%
Nợ dài hạn	615	612	0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	112	126	-11.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,773**	**1,663**	**6.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,773**	**1,663**	**6.6%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)